

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Nguyễn Thị Thanh Mai – Đặng Thúy Anh – Nguyễn Thị Việt Hà

**TÀI LIỆU
ĐỔI MỚI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ HỌC TẬP
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN
CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ
SỞ**

Hà Nội, 2011

ĐỔI MỚI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. MỤC TIÊU MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

Học xong môn Giáo dục công dân (GDGD)¹ ở Trung học cơ sở, học sinh có khả năng :

1. Về kiến thức

– Hiểu được những chuẩn mực đạo đức và pháp luật cơ bản, phổ thông, thiết thực phù hợp với lứa tuổi học sinh THCS trong các quan hệ với bản thân, với người khác, với công việc và học tập, với môi trường sống (có môi trường tự nhiên và văn hoá xã hội) với lí tưởng của cộng đồng.

– Hiểu ý nghĩa của các chuẩn mực đối với sự phát triển cá nhân và xã hội ; sự cần thiết phải rèn luyện và cách thức rèn luyện để đạt các chuẩn mực đó.

2. Về kĩ năng

– Biết đánh giá hành vi của bản thân và mọi người xung quanh ; biết lựa chọn và thực hiện cách ứng xử phù hợp với các chuẩn mực đạo đức, pháp luật, văn hoá xã hội trong giao tiếp và hoạt động (học tập, lao động, hoạt động tập thể, vui chơi giải trí...).

– Biết tự tổ chức việc học tập và rèn luyện bản thân theo yêu cầu của các chuẩn mực đã học.

3. Về thái độ

– Có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống hàng ngày ; có tình cảm trong sáng, lành mạnh đối với mọi người, đối với gia đình, nhà trường, quê hương, đất nước.

– Có niềm tin vào tính đúng đắn của các chuẩn mực đã học và hướng tới những giá trị chân, thiện, mỹ.

¹ Từ đây Giáo dục công dân được viết tắt thành GDGD.

– Có trách nhiệm với bản thân, có nhu cầu tự điều chỉnh, tự hoàn thiện để trở thành chủ thể tích cực, năng động sáng tạo.

Như vậy, trọng tâm của môn GDCD là phát triển ở học sinh thái độ, xúc cảm, tình cảm, niềm tin đạo đức ; hình thành ý thức tự giác tuân thủ pháp luật, tích cực tự nguyện thực hiện quyền và công dân ; hình thành hành vi, thói quen theo các chuẩn mực đạo đức, các quy định của pháp luật.

Điều đó cho thấy, trong đánh giá kết quả học tập môn GDCD của học sinh ở trường THCS chúng ta cần coi trọng đánh giá cả mặt nhận thức và đánh giá thái độ, hành vi của học sinh trước những vấn đề của cuộc sống liên quan đến nội dung bài học.

II. ĐỔI MỚI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GDCD CỦA HỌC SINH Ở TRƯỜNG THCS

Kiểm tra, đánh giá là khâu cuối cùng nhưng lại có vị trí rất quan trọng trong quá trình dạy học. Nhờ có kiểm tra, đánh giá mà người ta có thể giám sát được việc thực hiện mục tiêu dạy học, kết quả sử dụng phương pháp dạy học, hình thức và phương tiện dạy học của giáo viên. Và điều quan trọng nữa là đánh giá được kết quả học tập, rèn luyện của từng học sinh (HS).

Kiểm tra chính là phương tiện và hình thức của đánh giá. Bởi vì, kiểm tra cung cấp những dữ liệu, những thông tin làm cơ sở cho đánh giá. Còn đánh giá là quá trình thu thập và xử lý kịp thời, có hệ thống những thông tin về hiện trạng khả năng hay nguyên nhân của chất lượng và hiệu quả giáo dục căn cứ vào mục tiêu dạy học làm cơ sở cho những biện pháp và hành động giáo dục tiếp theo nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học.

Vì kiểm tra là phương tiện và hình thức của hoạt động đánh giá nên muốn đổi mới đánh giá kết quả học tập của HS thì trước tiên phải đổi mới việc kiểm tra.

Tài liệu này chủ yếu đề cập đến việc đổi mới kiểm tra kết quả học tập môn GDCD của học sinh THCS.

1. Một số thuật ngữ

1.1. Kiểm tra

Kiểm tra là phương tiện và hình thức của đánh giá. Việc kiểm tra cung cấp những dữ kiện, những thông tin cần thiết làm cơ sở cho việc đánh giá. Trong dạy học có 4 loại kiểm tra : kiểm tra thăm dò ; kiểm tra kết quả ; kiểm tra xếp thứ bậc và kiểm tra năng lực tổng thể có định hướng. Thi cũng là kiểm tra nhưng có ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt.

1.2. Đánh giá

Trong giáo dục đánh giá được hiểu là quá trình thu thập và xử lý kịp thời, có hệ thống thông tin về hiện trạng, khả năng hay nguyên nhân của chất lượng và hiệu quả giáo dục, căn cứ vào mục tiêu dạy học (mục tiêu đào tạo) làm cơ sở cho những chủ trương, biện pháp và hành động giáo dục tiếp theo.

1.3. Đánh giá chất lượng và hiệu quả dạy học

Đánh giá chất lượng và hiệu quả dạy học là quá trình thu thập và xử lý thông tin nhằm mục đích tạo cơ sở cho những quyết định về mục tiêu, chương trình, phương pháp dạy học, về những hoạt động khác có liên quan của nhà trường và ngành Giáo dục.

1.4. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập là quá trình thu thập và xử lý thông tin về trình độ, khả năng thực hiện mục tiêu học tập của HS, về tác động và nguyên nhân của tình hình đó nhằm tạo cơ sở cho những quyết định sự phạm của giáo viên và nhà trường, cho bản thân HS để họ học tập ngày một tiến bộ hơn.

Như vậy, đánh giá kết quả học tập của HS là một kế hoạch tổng thể gồm 3 công đoạn chủ yếu :

a) Thu thập thông tin.

b) Phân tích thông tin về hiện trạng, khả năng hay nguyên nhân của kết quả học tập.

c) Ra quyết định sự phạm.

Căn cứ vào mục đích đánh giá mà người ta phân thành 3 loại hình khác nhau:

– Đánh giá *chẩn đoán* : được tiến hành trước một giai đoạn giáo dục nhất định nhằm đưa ra các chứng cứ để có thể dự kiến kết quả học tập cho giai đoạn đó.

– Đánh giá *quá trình* : được tiến hành trong quá trình giáo dục nhằm cung cấp thông tin về những gì HS đã học được, vạch ra hành động tiếp theo (nội dung nào nên dạy và cách tiếp cận nào nên sử dụng,...) của quá trình dạy học đó.

– Đánh giá *tổng kết* : được tiến hành tại cuối mỗi giai đoạn học tập, nhằm tổng kết thành tích học tập của HS một cách có hệ thống.

Ví dụ : đầu lớp 8 giáo viên (GV) sử dụng đánh giá *chẩn đoán* thông qua hình thức kiểm tra chất lượng đầu năm nhằm đánh giá chất lượng đầu vào và dự kiến thành tích học tập của HS cuối năm học ; sử dụng đánh giá *quá trình* thông qua hình thức kiểm tra thường xuyên, định kì (miệng, 15 phút, 45 phút,...) nhằm đánh giá kết quả học tập tại từng thời điểm của năm học, từ đó ra quyết định điều chỉnh hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS theo định hướng đạt được mục

tiêu đã định ban đầu ; sử dụng đánh giá *tổng kết* thông qua hình thức kiểm tra học kì, cuối năm nhằm đánh giá kết quả học tập sau khi HS đã nỗ lực phấn đấu và điều chỉnh hoạt động của mình trong cả năm học, ra quyết định về việc mỗi em có đạt được mục tiêu của chương trình môn học đã qui định hay không, lập kế hoạch giáo dục trong giai đoạn tiếp theo.

2. Vài nét về thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Qua khảo sát một số đề kiểm tra môn GDCD và phỏng vấn sâu một số giáo viên dạy môn GDCD và học sinh THCS, chúng tôi thấy :

2.1. Về hình thức đánh giá

– Việc đánh giá kết quả học tập môn GDCD của học sinh THCS hiện nay được dựa trên hình thức :

+ Kiểm tra thường xuyên, gồm có : kiểm tra miệng.

+ Kiểm tra định kì, gồm có : một bài kiểm tra viết 1 tiết, hai bài kiểm tra học kì (bài kiểm tra học kì I, bài kiểm tra học kì II).

Ngoài các hình thức kiểm tra trên, mỗi HS còn được kiểm tra ít nhất một bài kiểm tra 15 phút/1 học kì.

Thực tế cho thấy, kiểm tra kết quả học tập môn GDCD của HS còn có một số nhược điểm chính về hình thức, như :

– Chưa có hình thức kiểm tra thực hành.

– Việc kiểm tra chỉ bó hẹp trong khuôn khổ bài học, ít gắn với các hoạt động khác của lớp, của trường, của địa phương và chưa tranh thủ được những ý kiến nhận xét, đánh giá của các lực lượng giáo dục khác trong nhà trường.

– Hình thức kiểm tra đơn điệu, hầu như chỉ có hình thức hỏi – đáp trong kiểm tra miệng, hoặc HS trả lời các câu hỏi tự luận trong kiểm tra viết. Do đó, các em có rất ít cơ hội bộc lộ những suy nghĩ, cảm nhận, quan điểm riêng của mình.

2.2. Về nội dung

Khi kiểm tra kết quả học tập môn GDCD của HS, GV đã chú ý kiểm tra việc nắm vững kiến thức cũ của HS, củng cố nội dung đã học, nhắc nhở HS thường xuyên ôn tập ; liên hệ, gắn kiến thức cũ với nội dung bài mới. Đó là một việc làm cần thiết, có tác dụng giúp cho việc học tập của các em được liên tục, hệ thống.

Bên cạnh đó, nội dung kiểm tra còn những nhược điểm sau : GV chủ yếu chỉ kiểm tra về mặt nhận thức, chưa quan tâm thích đáng đến việc kiểm tra thái độ, kĩ năng ứng xử, sự vận dụng kiến thức đã học vào thực hành trong cuộc sống của HS. Điều đó dẫn đến khả năng vận dụng và thực hành của HS bị hạn chế. Cách

đánh giá như vậy chưa đạt được mục tiêu của môn GDCD. Vì mục tiêu của dạy học môn GDCD không chỉ là cung cấp kiến thức mà điều quan trọng hơn là phải hình thành tình cảm, thái độ của HS trước các tình huống, sự kiện liên quan đến nội dung bài học ; hình thành và rèn luyện kỹ năng vận dụng, thực hành kiến thức ở các em.

2.3. Nguyên nhân của các hạn chế trên là :

– Do phần lớn GV (không được đào tạo chuyên môn về dạy học môn GCDD) đang dạy môn khác, dạy kiêm nhiệm môn GDCD nên thiếu kiến thức chuyên môn dạy học GDCD. Mặt khác, do chỉ dạy kiêm nhiệm không có thời gian đầu tư nghiên cứu chuyên môn nên còn một bộ phận giáo viên chưa đảm bảo mặt chuẩn xác về kiến thức cơ bản.

– GV chưa được bồi dưỡng, đào tạo đầy đủ về quy trình đánh giá và kỹ thuật biên soạn bộ đề kiểm tra kết quả học tập của HS,... Vì vậy, mặc dù đã có hiểu biết ban đầu đổi mới kiểm tra kết quả học tập của HS nhưng kết quả ra đề kiểm tra còn hạn chế.

3. Định hướng đổi mới đánh giá kết quả học tập môn GDCD trường THCS

3.1. Mục đích của việc đánh giá kết quả học tập của học sinh

– Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS nhằm làm sáng tỏ mức độ đạt được của HS về kiến thức, kỹ năng và thái độ so với mục tiêu và chuẩn chương trình môn GDCD ; công khai hoá các nhận định về kết quả học tập của mỗi HS, của tập thể lớp, giúp HS nhận ra sự tiến bộ cũng như tồn tại của mình, khuyến khích thúc đẩy việc học tập của các em ; giúp GV điều chỉnh việc tổ chức hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS cho phù hợp; giúp cho cán bộ quản lý giáo dục ở các cấp điều chỉnh hoạt động chuyên môn và các hỗ trợ khác cho việc dạy và học; giúp các tác giả hoàn tất chương trình và sách giáo khoa.

3.2. Yêu cầu cơ bản của việc đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn GDCD của học sinh

Để đạt được mục tiêu môn học, việc kiểm tra kết quả học tập môn GDCD phải hướng vào các yêu cầu sau :

– Việc kiểm tra phải góp phần quan trọng vào việc rèn luyện phương pháp học tập cho HS. Cụ thể không chỉ kiểm tra kiến thức, mà quan trọng là phải kiểm tra các kỹ năng (kỹ năng nhận xét, đánh giá, các kỹ năng vận dụng bài học để giải quyết các vấn đề, tình huống và thực hành trong cuộc sống), kiểm tra thái độ, tình cảm của học sinh đối với các vấn đề đạo đức và pháp luật. Từ đó, thúc đẩy HS tích cực rèn luyện theo yêu cầu của các chuẩn mực bài học.

– Việc kiểm tra phải bảo đảm tính khách quan, toàn diện, khoa học và trung thực. Cụ thể, kiểm tra phải đưa lại những thông tin chính xác, phản ánh đúng kết quả học tập của HS để trên cơ sở đó GV có sự điều chỉnh phù hợp về phương pháp dạy học, điều chỉnh nhận thức, thái độ, hành vi của học sinh. Bài kiểm tra được coi là có độ tin cậy nếu kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực học tập của học sinh dựa theo các tiêu chí đánh giá.

– Phải căn cứ vào chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ của môn học để xây dựng đề kiểm tra, từ đó mới xác định được mức độ đạt yêu cầu của chuẩn.

– Phải có sự phân hoá mức độ cho các loại đối tượng học sinh khác nhau nhằm khuyến khích HS phấn đấu vươn lên. Nhìn chung, đề kiểm tra phải phù hợp với số đông HS (đại trà) và dành một số nội dung cho HS khá và giỏi (khoảng 20% tổng số điểm).

– Đổi mới công cụ kiểm tra, cụ thể là đổi mới các hình thức đề kiểm tra, kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận và hình thức quan sát động, nghiên cứu sản phẩm hoạt động của học sinh.

– Phối hợp các lực lượng trong việc kiểm tra, đánh giá.

Môn GDCD là một môn học có tính giáo dục và tính thực tiễn cao, đòi hỏi học sinh phải biết vận dụng bài học trong cuộc sống và thực hành các chuẩn mực bài học, có sự thống nhất giữa nhận thức và hành vi. Để củng cố và tăng cường ý thức rèn luyện của học sinh ở mọi nơi, mọi lúc theo yêu cầu trên, trong đổi mới kiểm tra môn GDCD cần có sự phối hợp tham gia của các lực lượng, cụ thể :

– Tự kiểm tra, đánh giá và kiểm tra, đánh giá của học sinh và tập thể học sinh.

– Kiểm tra, đánh giá của các lực lượng giáo dục trong nhà trường như giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên bộ môn khác, cán bộ Đoàn, Đội.

– Kiểm tra, đánh giá của gia đình và cộng đồng.

Ví dụ : để đánh giá việc thực hiện an toàn giao thông của HS, GV nên để HS tự đánh giá bản thân, kết hợp với đánh giá của tập thể lớp, của cha mẹ HS và của lực lượng công an, tổ chức Đoàn, Đội,... (trong trường hợp HS vi phạm an toàn giao thông, cơ quan công an có thông báo về trường hoặc HS thực hiện tốt an toàn giao thông hoặc tham gia công tác giữ gìn trật tự giao thông ở cộng đồng).

Để thực hiện việc tốt việc phối hợp các lực lượng trong việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, GV dạy môn GDCD cần phải thường xuyên liên hệ, kịp thời thu nhận những thông tin nhận xét, đánh giá của các lực lượng trên về thái độ, hành vi của học sinh, mặt khác có những hình thức khuyến khích học sinh tự liên hệ, tự kiểm tra, tự đánh giá và kiểm tra, đánh giá lẫn nhau. Cần xác định nội dung tham gia kiểm tra, đánh giá cho các lực lượng.

Ví dụ : gia đình và cộng đồng có thể tham gia chủ yếu vào việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chuẩn mực của học sinh ; cán bộ Đoàn, Đội có thể tham gia đánh giá tinh thần, thái độ, kết quả tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội...

Giáo viên dạy môn GDCD là người đóng vai trò quyết định trong việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập bộ môn của học sinh.

Biện pháp phối hợp các lực lượng trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn GDCD sẽ tạo ra một môi trường giáo dục khép kín, tăng cường tính chính xác trong đánh giá.

3.3. Nội dung kiểm tra đánh giá

Việc kiểm tra kết quả học tập môn GDCD gồm các nội dung :

– Đánh giá một cách toàn diện mức độ đạt được về mặt kiến thức, kỹ năng thái độ đã quy định trong mục tiêu, chương trình và chuẩn kiến thức, kỹ năng môn GDCD.

– Môn GDCD không chỉ cung cấp kiến thức phổ thông cho HS về các lĩnh vực thế giới quan, đạo đức, pháp luật, kinh tế, chính trị, lối sống mà còn có tính thực hành, vận dụng cao, nên cần đặt trọng tâm kiểm tra, đánh giá vào những nội dung :

– Kiểm tra, đánh giá một cách toàn diện mức độ đạt được về mặt kiến thức, kỹ năng thái độ đã quy định trong mục tiêu, chương trình và chuẩn kiến thức, kỹ năng môn GDCD.

– Môn GDCD không chỉ cung cấp kiến thức phổ thông cho HS về các lĩnh vực đạo đức, pháp luật, tư tưởng, chính trị, lối sống mà còn có tính thực hành, vận dụng cao, nên cần đặt trọng tâm kiểm tra, đánh giá vào các vấn đề sau :

+ Nội dung của chuẩn mực đạo đức, những biểu hiện có tính chất đặc trưng của nó ; nội dung quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân liên quan đến chủ đề bài học...

+ Những hành vi như thế nào là tôn trọng và thực hiện đúng chuẩn mực, những hành vi như thế nào là vi phạm chuẩn mực.

+ Môi quan hệ giữa các chuẩn mực ; ý nghĩa, tác dụng của việc thực hiện chuẩn mực đối với cá nhân, gia đình, xã hội và tác hại của việc vi phạm chuẩn mực.

+ Biểu hiện thái độ của HS trước các tình huống, các vấn đề có liên quan đến chuẩn mực ; cách ứng xử theo yêu cầu của chuẩn mực trong những tình huống có liên quan.

+ Việc thực hiện các chuẩn mực đạo đức, pháp luật, văn hóa, lối sống trong đời sống hằng ngày của bản thân HS.

3.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Phương pháp kiểm tra, đánh giá của môn GDCD rất đa dạng, phong phú, gồm các phương pháp sau :

– Tự luận : trong câu hỏi tự luận, ngoài những dạng câu hỏi tự luận như các môn học khác, giáo viên dạy môn GDCD cần thiết kể thêm các loại bài tập tình huống, lập kế hoạch, viết báo cáo cho phù hợp với đặc thù môn học.

– Trắc nghiệm khách quan : trắc nghiệm khách quan gồm có : trắc nghiệm đúng – sai, trắc nghiệm nhiều lựa chọn, trắc nghiệm dạng ghép đôi, trắc nghiệm dạng điền khuyết.

– Kiểm tra qua quan sát hoạt động và các sản phẩm hoạt động của HS.

3.5. Các hình thức và loại bài kiểm tra trong dạy học môn GDCD trường Trung học cơ sở

3.5.1. Các hình thức kiểm tra

a/ Kiểm tra thường xuyên :

Kiểm tra thường xuyên được thực hiện qua các khâu ôn tập, củng cố bài cũ, tiếp thu bài mới, vận dụng kiến thức đó học vào thực tiễn. Kiểm tra thường xuyên giúp cho thầy kịp thời điều chỉnh cách dạy, học sinh kịp thời điều chỉnh cách học, tạo điều kiện vững chắc để quá trình dạy học chuyển dần sang bước mới.

b/ Kiểm tra định kì :

Hình thức kiểm tra này thường được thực hiện sau khi học xong một chương, một phần của chương trình hoặc sau một học kì, sau một năm học. Nó giúp cho giáo viên và học sinh nhìn lại kết quả dạy và học sau những kì hạn nhất định, củng cố và mở rộng những điều đó học, đặt cơ sở cho việc tiếp tục học sang những phần mới.

c/ Kiểm tra tổng kết :

Kiểm tra tổng kết có thể xem là một hình thức của kiểm tra định kì. Hình thức này được thực hiện vào cuối năm học nhằm đánh giá kết quả chung, chuẩn bị tiếp tục học chương trình của năm học sau.

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với môn Giáo dục công dân có 2 hình thức kiểm tra là kiểm tra thường xuyên và định kì.

3.5.2. Các loại bài kiểm tra môn GDCD trường THCS

a/ Kiểm tra miệng :

Kiểm tra miệng là hình thức kiểm tra thường xuyên, được sử dụng trước, trong và sau khi học bài mới. Nó giúp giáo viên thu được những tín hiệu phản hồi nhanh chóng và có tác dụng thúc đẩy người học tích cực học tập một cách thường xuyên, có hệ thống, phát triển kỹ năng trình bày, diễn đạt bằng ngôn ngữ nói ; giúp giáo viên kịp thời phát hiện những sai lệch, thiếu sót trong nhận thức, thái độ, hành vi của học sinh và kịp thời điều chỉnh.

Nội dung loại kiểm tra miệng chủ yếu kiểm tra mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng và thái độ của bài cũ. Tuy nhiên, nếu GV kiểm tra việc sử dụng các kiến thức cũ (không chỉ của bài ngay trước đó) của HS để tham gia vào việc xây dựng bài mới thì việc kiểm tra có tác dụng rất tốt đối với việc đổi mới phương pháp dạy học.

b/ Kiểm tra viết 15 phút :

Kiểm tra viết 15 phút cũng thuộc hình thức kiểm tra thường xuyên, nhằm xác định mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng và thái độ của HS qua một thời gian nhất định, giúp điều chỉnh việc dạy và học của GV và HS. Đối với môn GDCD thì kiểm tra viết 15 phút là đột xuất, không báo trước cho HS, nội dung kiểm tra chủ yếu là bài cũ ngay trước khi kiểm tra.

c/ Kiểm tra viết 1 tiết giữa học kì :

Đây là loại bài kiểm tra thuộc hình thức kiểm tra định kì, được quy định bắt buộc trong kế hoạch dạy học của môn học. Loại kiểm tra này được thực hiện sau khi đó học xong nửa học kì, nhằm kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, phát triển kỹ năng, thái độ trên một phạm vi tương đối rộng, do đó có ý nghĩa trong việc đánh giá trình độ học tập của HS.

Thời điểm kiểm tra : Giữa học kì I và giữa học kì II của năm học.

Phạm vi kiểm tra : Nội dung các bài đó học từ đầu học kì đến bài trước khi kiểm tra.

d/ Kiểm tra viết 1 tiết cuối học kì :

Loại bài kiểm tra này cũng thuộc hình thức kiểm tra định kì, được quy định bắt buộc trong kế hoạch dạy học của môn học. Loại kiểm tra này được thực hiện sau khi đó học xong mỗi học kì, nhằm kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, phát triển kỹ năng, thái độ của HS trên một phạm vi rộng, trên cơ sở đó đánh giá chất lượng học tập môn học.

Thời điểm kiểm tra : cuối học kì I và cuối học kì II của năm học.

Phạm vi kiểm tra : nội dung các bài đó học từ đầu mỗi học kì đến bài cuối mỗi học kì.

e/ Kiểm tra thực hành :

Loại kiểm tra thực hành trong môn GDCD nhằm kiểm tra kỹ năng vận dụng kiến thức đó học vào thực tiễn, thái độ và hành vi của HS đối với các chuẩn mực bài học.

Việc kiểm tra thực hành có thể tiến hành trên lớp, có thể ở ngoài lớp, ở địa điểm tham quan.

Kiểm tra thực hành có thể thực hiện sau khi học xong mỗi chuẩn mực, giáo viên kiểm tra việc thực hiện chuẩn mực đó ; có thể thực hiện sau khi tổ chức các hoạt động ngoại khoá thực hành cho HS như : Thi tìm hiểu theo chủ đề ; tham quan di tích, làng nghề truyền thống ; sưu tầm tranh ảnh, hiện vật ; điều tra thực trạng (về môi trường, tệ nạn xã hội ở địa phương...), sáng tác (vẽ tranh, làm thơ, viết thu hoạch...) ; hoạt động tập thể, hoạt động xã hội,... Qua quan sát các hoạt động và nghiên cứu các sản phẩm hoạt động của HS, GV có thể nhận xét tinh thần thái độ cũng như kết quả tham gia hoạt động, khả năng ứng xử, giao lưu của HS và đánh giá được mức độ nắm vững kiến thức, kỹ năng và đánh giá được thái độ của HS về một nội dung học tập nào đó trong chương trình.

4. Hướng dẫn kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn GDCD của HS trường THCS

4.1. Kỹ thuật ra đề kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn GDCD

Hiện nay, ở cấp THCS đề kiểm tra được xây dựng theo ba mức độ của tư duy là: nhận biết, thông hiểu, vận dụng.

– Mức độ nhận biết : là mức độ chỉ yêu cầu HS nhận ra, nhớ lại nội dung đã học.

– Mức độ thông hiểu : mức độ này, yêu cầu HS nhận biết được các kiến thức cơ bản đã được thay đổi hoặc mở rộng ít nhiều so với kiến thức đã học. Để trả lời câu hỏi dạng này HS không chỉ dùng trí nhớ kiểu thuộc lòng mà chủ yếu dùng trí nhớ lôgic, biết phân tích, lí giải và có thể khái quát (ở mức độ đơn giản) để tự rút ra kết luận trả lời câu hỏi trắc nghiệm hoặc nhận xét, đánh giá, giải thích, biết dùng ngôn ngữ riêng để diễn đạt,... trong câu tự luận.

– Mức độ vận dụng : là mức độ yêu cầu HS hiểu rõ nội dung đã học để có thể liên hệ, đánh giá một vấn đề trong thực tế phù hợp với lứa tuổi hoặc đưa ra cách ứng xử phù hợp trong 1 tình huống cụ thể.

4.1.1. Câu hỏi tự luận

a/ Câu hỏi tự luận nhận biết : là loại câu hỏi chỉ yêu cầu HS nhớ lại nội dung đã học để trình bày lại giống như vậy .

Ví dụ 1: Em hãy cho biết thế nào là di sản văn hoá ? (Câu hỏi kiểm tra bài 15, lớp 7 : Bảo vệ di sản văn hóa)

Ví dụ 2 : Luật Hôn nhân và Gia đình ở nước ta có những quy định gì về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong hôn nhân ? (Câu hỏi kiểm tra bài 12, lớp 9 : Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình)

b/ Câu hỏi tự luận thông hiểu : là câu hỏi yêu cầu HS dùng ngôn ngữ riêng để trình bày lại kiến thức đã học, tự rút ra kết luận hoặc nhận xét, đánh giá, giải thích,... về một vấn đề nào đó.

Ví dụ 1: Cú ý kiến cho rằng kỉ luật làm cho con người bị gò bó, mất tự do. Em có tán thành ý kiến đó không ? Vì sao ? (Câu hỏi kiểm tra bài 5, lớp 6 : Tôn trọng kỉ luật)

Ví dụ 2 : Em có đồng ý với ý kiến cho rằng : Tự do kinh doanh có nghĩa là công dân được kinh doanh bất cứ mặt hàng gì mình muốn ? Căn cứ vào đâu để em đưa ra ý kiến đó?

(Câu hỏi kiểm tra bài 13, lớp 9 : Quyền tự do kinh doanh và đóng thuế)

c/ Câu hỏi tự luận vận dụng : Loại câu hỏi này yêu cầu học sinh hiểu rõ nội dung đã học để có thể liên hệ, đánh giá một vấn đề trong thực tế phù hợp với lứa tuổi hoặc đưa ra cách ứng xử phù hợp trong 1 tình huống cụ thể.

Ví dụ 1 : Gia đình, dòng họ em có truyền thống tốt đẹp nào ? Em cần làm gì để có thể giữ gìn, phát huy được truyền thống đó ? (Câu hỏi kiểm tra bài 10, lớp 7 : Giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ)

Ví dụ 2 : Cho biết ý kiến của em về việc bảo vệ tài sản nhà trường của các bạn ở lớp em ? (Câu hỏi kiểm tra bài 17, lớp 8 : Nghĩa vụ tôn trọng tài sản của nhà nước và lợi ích công cộng)

*** Ưu điểm và nhược điểm của câu hỏi tự luận**

Tự luận là hình thức kiểm tra quen thuộc, có tính truyền thống, được sử dụng rộng rãi trong kiểm tra đánh giá của các môn học. Câu hỏi tự luận có ưu điểm và nhược điểm sau:

– Ưu điểm

+ Người ra đề mất ít thời gian ra đề và dễ dàng đưa ra câu hỏi.

+ Nếu sử dụng một cách hợp lí, câu hỏi tự luận có thể đánh giá được các cấp độ tư duy ở mức độ cao và khả năng viết của HS. Vì để trả lời câu hỏi tự luận, HS phải đưa ra câu trả lời độc lập của cá nhân nên có tác dụng phát triển kỹ năng diễn đạt, trình bày ý tưởng; kỹ năng phân tích, tổng hợp; khả năng suy luận, liên tưởng,... ở HS.

+ Câu hỏi tự luận còn giúp giáo viên dễ dàng nhận thấy những nhược điểm, hạn chế trong nhận thức, thái độ cũng như trong tư duy của HS để kịp thời điều chỉnh việc dạy và học.

– Nhược điểm :

+ Câu hỏi tự luận thường chỉ kiểm tra được nội dung đã học trong một phạm vi hẹp và HS mất nhiều thời gian để trả lời cho một câu hỏi;

+ Các câu trả lời của HS có thể rất đa dạng, GV mất nhiều thời gian chấm bài nên việc đánh giá có thể thiếu chính xác.

Vì vậy, GV cần khắc phục những nhược điểm của hình thức kiểm tra tự luận bằng cách phải xây dựng câu hỏi, đáp án và biểu điểm rất chi tiết, rõ ràng và phải tôn trọng các cách trình bày, suy nghĩ của HS, tránh đánh giá tùy tiện hoặc thiên vị.

4.1.2. Câu hỏi trắc nghiệm khách quan

a) Trắc nghiệm khách quan là gì ?

Trắc nghiệm khách quan là một phương tiện đo lường khả năng học tập của học sinh một cách tương đối chính xác nhờ số điểm được quyết định do bài trắc nghiệm tạo ra, không bị chi phối bởi tác động của người chấm bài.

b) Các loại trắc nghiệm khách quan:

Người ta thường sử dụng các loại trắc nghiệm khách quan sau đây:

* Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (*có 1 phương án đúng*)

Loại trắc nghiệm này gồm hai phần:

– Phần mở đầu là phần dẫn: Phần dẫn thường có câu dẫn và câu “lệnh” (còn gọi là yêu cầu). Câu dẫn có thể là một câu hỏi hoặc một câu chưa hoàn chỉnh nhằm giúp học sinh hiểu rõ câu trắc nghiệm muốn hỏi điều gì. Câu dẫn cần viết ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu để HS hiểu rõ câu hỏi phải trả lời, hoặc vấn đề cần giải quyết.

Trước hoặc sau câu dẫn, có câu “lệnh” để HS biết cần phải làm gì để trả lời câu hỏi.

– Phần thứ hai là phần lựa chọn: Phần này gồm một số phương án (thường là 4 hoặc 5 phương án) trả lời cho câu hỏi hay phân bổ sung cho câu chưa được hoàn chỉnh. Phần lựa chọn gồm nhiều phương án, nhưng chỉ có một phương án đúng, những phương án còn lại là sai (còn gọi là phương án “nhiều” hay phương án nền). Các phương án “nhiều” thường là các lỗi HS hay mắc phải.

Ví dụ :

Hành vi nào sau đây thể hiện đúng sự tôn trọng lẽ phải ? (*hãy khoanh tròn chữ cái trước câu mà em chọn*)

- A. Thấy bất kể việc gì có lợi cho mình cũng phải làm bằng được.
- B. Luôn bảo vệ mọi ý kiến của mình.
- C. Lắng nghe ý kiến của mọi người để tìm ra điều hợp lí.
- D. Luôn luôn tán thành và làm theo số đông.

(Câu hỏi kiểm tra bài 1, lớp 8 : Tôn trọng lẽ phải)

Ở ví dụ trên :

- Câu “Hành vi nào sau đây thể hiện đúng sự tôn trọng lẽ phải ?” là câu dẫn
- (*hãy khoanh tròn chữ cái trước câu mà em chọn*) là câu “lệnh”.

Phần sau câu dẫn và câu “lệnh” là các phương án lựa chọn.

Lưu ý :

– Khi thiết kế câu hỏi có nhiều phương án lựa chọn tránh: có 2–3 câu trả lời đúng (mặc dù chưa đủ); có phương án “Tất cả đều đúng”, “Tất cả đều sai”.

– Phần dẫn phải có nội dung rõ ràng, không nên đưa nhiều ý vào trong một câu. Nên hạn chế sử dụng câu dẫn dạng phủ định. Nếu câu dẫn có dạng phủ định thì phải in đậm từ phủ định và gạch chân dưới từ phủ định để học sinh biết và thận trọng khi trả lời.

Ví dụ :

Tài sản nào nêu dưới đây không phải là tài sản thuộc quyền sở hữu của công dân? (*hãy khoanh tròn chữ cái trước câu mà em chọn*)

- A. Tiền lương, tiền công lao động.
- B. Xe máy cá nhân có được do trúng giải thưởng xổ số của Nhà nước.
- C. Cổ vật được tìm thấy khi đào móng làm nhà.
- D. Tiền tiết kiệm của người dân gửi trong ngân hàng Nhà nước.

(Câu hỏi kiểm tra bài 16, lớp 8 : Quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác)

– Khi viết câu nhiều lựa chọn cần phải có mối liên hệ giữa câu dẫn với các phương án lựa chọn, tạo nên một nội dung hoàn chỉnh, có nghĩa ; tránh để lộ câu chọn đúng, tránh diễn đạt nguyên văn sách giáo khoa. Câu nhiều phải có cấu trúc và nội dung tương tự như câu trả lời đúng, bề ngoài có vẻ là đúng nhưng thực chất là sai hoặc chỉ đúng một phần, đòi hỏi HS phải suy nghĩ để loại trừ. Như vậy, chỉ

có HS nào nắm chắc và hiểu thực sự thì mới có sự lựa chọn đúng. Tuy nhiên, việc lựa chọn may rủi vẫn xảy ra ở mức độ khoảng 25%.

* Trắc nghiệm đúng – sai

Loại câu trắc nghiệm này gồm có phần dẫn và phần trả lời :

– Phần dẫn : trình bày một nội dung nào đó mà học sinh phải đánh giá là đúng hay sai.

– Phần trả lời chỉ có 2 phương án : đúng (Đ) và sai (S).

Ví dụ :

Hãy ghi chữ Đ tương ứng với câu đúng, chữ S tương ứng với câu sai vào ô trống trong bảng sau :

I	II
A. Tự do ngôn luận là ai muốn nói gì thì nói	
B. Tự do ngôn luận thể hiện quyền làm chủ Nhà nước, làm chủ xã hội của công dân	
C. Trẻ em do còn nhỏ nên chưa có quyền tự do ngôn luận	
D. Tự do ngôn luận phải tuân theo quy định của pháp luật	

(Câu hỏi kiểm tra bài 19, lớp 8 :Quyền tự do ngôn luận)

Lưu ý :

– Ở ví dụ trên phần trên cùng (Hãy ghi chữ Đ tương ứng với câu đúng, chữ S tương ứng với câu sai vào ô trống trong bảng sau :) là câu lệnh, cột I là phần dẫn, cột II dành cho phần trả lời.

– Câu trắc nghiệm đúng – sai phải có độ khó đối với học sinh chưa hiểu kỹ bài và phải có tính đúng – sai rõ ràng.

– Các câu trong phần dẫn nên viết ngắn gọn, không nên trích dẫn nguyên văn nội dung SGK ; tránh sử dụng những thuật ngữ mơ hồ, không xác định về mức độ như “thông thường”, “hầu hết” hoặc “luôn luôn”, “tất cả”, “không bao giờ”... vì HS dễ đoán được câu đó đúng hay sai.

– Loại câu này chỉ kiểm tra kiến thức ở mức độ “biết”, ít kích thích suy nghĩ, khả năng phân hoá HS là thấp; yếu tố ngẫu nhiên, may rủi nhiều hơn so với câu nhiều lựa chọn, có thể tới khoảng 50%. Do đó không nên lạm dụng dạng trắc nghiệm này.

* Dạng trắc nghiệm ghép đôi (còn gọi là trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi)

Trắc nghiệm ghép đôi thường có cấu tạo gồm :

Trên là câu lệnh. Tiếp theo là 2 dãy (còn gọi là 2 cột) : dãy bên trái có thể là các câu đã hoàn chỉnh hoặc các câu chưa hoàn chỉnh, hay các câu hỏi ; dãy bên phải là các nội dung có liên quan đến các câu đã hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn chỉnh, hay các câu hỏi ở dãy trái.

Ví dụ :

Hãy nối 1 ô ở cột trái (I) với 1 ô ở cột phải (II) sao cho đúng :

I	II
A/ Việc kết hôn do nam nữ tự nguyện quyết định	1. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động
B/ Công dân có quyền tự do sử dụng sức lao động của mình để học nghề	2. Nghĩa vụ của người kinh doanh
C/ Các cơ sở sản xuất không được nhận người dưới 15 tuổi vào làm việc	3. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân
D/ Người kinh doanh phải thực hiện nghĩa vụ đóng thuế	4. Quyền lao động của công dân
Đ/ Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thu hút lao động đều được Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện giúp đỡ	
E/ Mọi người cần thận trọng, nghiêm túc trong hôn nhân.	

..... nối với

..... nối với

..... nối với

..... nối với

(Đề kiểm tra lớp 9)

Lưu ý :

– Các câu để ghép đôi đòi hỏi HS phải đọc hết các câu ở dãy bên trái và các câu ở dãy bên phải, suy nghĩ để tìm ra mối liên hệ giữa chúng. Sau đó các em trả lời thích hợp bằng gạch nối hoặc cũng có thể trả lời đơn giản : nối với; hoặc 1 →... , 2 → ..., 3 →...

– Khi viết loại câu này cần chú ý những điểm sau:

+ Câu lệnh: tùy yêu cầu trả lời của câu hỏi mà có lệnh khác nhau.

+ Số nội dung lựa chọn ở dãy trái cần nhiều hơn số nội dung ở dãy phải để có “nhiều” tạo độ khó cho câu hỏi. Mỗi nội dung ở dãy trái chỉ nối với một nội dung ở dãy phải.

+ Các nội dung ở mỗi dãy nên ngắn gọn vì nếu dài quá sẽ làm cho HS mất nhiều thời gian đọc và lựa chọn.

* Trắc nghiệm điền khuyết

Trắc nghiệm điền khuyết có 2 loại :

– Loại thứ nhất : Có thể là những câu phát triển với một hoặc nhiều chỗ trống để HS phải điền 1 từ hoặc 1 cụm từ hay ký hiệu thích hợp nào đó. Loại này thường có cấu tạo gồm 3 phần : phần câu lệnh, phần nội dung và phần cung cấp thông tin.

+ Câu lệnh : *Hãy chọn từ hoặc cụm từ đã cho điền vào chỗ trống ở các câu sau đây để được câu trả lời đúng.*

+ Phần nội dung bao gồm những câu có chỗ để trống (.....) để điền từ thích hợp.

+ Phần cung cấp thông tin gồm những từ hoặc cụm từ cho trước, trong đó số cụm từ phải nhiều hơn số chỗ trống cần điền để tăng sự cân nhắc khi lựa chọn.

Ví dụ :

Hãy lựa chọn hai trong các từ, cụm từ :

– *dùng chất kích thích*

– *mải chơi*

– *đánh bạc*

... để điền vào những chỗ trống trong các câu sau sao cho đúng :

Đề phòng, chống tệ nạn xã hội, trẻ em không được..... , uống rượu, hút thuốc và có hại cho sức khoẻ.

– Loại thứ hai : Có thể là những câu phát triển, không có phần cung cấp thông tin với một hoặc nhiều chỗ trống để HS phải điền 1 từ hoặc 1 nhóm từ hay ký hiệu thích hợp nào đó. Vì vậy, câu điền khuyết phải viết sao cho mỗi chỗ trống chỉ có một cụm từ được chọn là điền đúng, tránh tình trạng một chỗ trống mà thích ứng với nhiều cụm từ khác nhau, gây khó khăn cho việc chấm điểm, tính khách quan sẽ bị giảm.

Ví dụ :

Hãy điền những cụm từ còn thiếu trong các câu sau cho đúng :

+ Quốc tịch là căn cứ.....

+ Người có quốc tịch Việt Nam là công dân.....

Lưu ý :

– Bảo đảm mỗi chỗ trống chỉ điền được 1 từ hoặc cụm từ.

– Mỗi câu nên chỉ có 1 hoặc 2 chỗ trống được bố trí ở giữa hay cuối câu. Độ dài của các khoảng trống nên bằng nhau để HS không đoán được từ phải điền là dài hay ngắn.

– Hạn chế dùng những câu trích nguyên văn trong sách giáo khoa.

c) Ưu điểm, nhược điểm của trắc nghiệm khách quan

– Ưu điểm của trắc nghiệm khách quan :

+ Chấm điểm nhanh, khá chính xác và khách quan.

+ Cung cấp phản hồi nhanh về kết quả học tập của HS.

+ Có thể kiểm tra, đánh giá trên diện rộng, trong một khoảng thời gian ngắn.

+ Đánh giá được khả năng nhận thức, vận dụng kiến thức của HS.

+ Góp phần rèn luyện các kỹ năng: dự đoán, ước lượng, lựa chọn phương án giải quyết nhanh...

+ Tạo cơ hội cho HS tự đánh giá khi GV công bố đáp án và biểu điểm.

– Nhược điểm của trắc nghiệm khách quan :

+ Khó đánh giá những mức độ nhận thức cao hơn của HS như phân tích, tổng hợp, đánh giá.

+ Dễ xảy ra lựa chọn theo cảm tính, dễ đoán mò, dễ quay cốp.

+ Khó đánh giá được khả năng tư duy, suy luận, kỹ năng viết, kỹ năng nói... của HS.

+ Soạn đề kiểm tra khó, chuẩn bị đề kiểm tra mất nhiều thời gian.

+ Không tạo được điều kiện cho HS tự phát hiện và giải quyết vấn đề. Vì vậy, khi ra đề kiểm tra, người ra đề cần lưu ý các nhược điểm trên để hạn chế các nhược điểm đó, cần có sự kết hợp với câu hỏi câu hỏi tự luận, bài tập tình huống để có được đề kiểm tra tốt.

4.1.3. Bài tập tình huống

Sử dụng tình huống rất cần thiết trong việc đánh giá kết quả học tập môn GDCD ở HS. Vì có thể đánh giá được nhận thức, thái độ, kỹ năng vận dụng kiến

thức đã học của HS vào những tình huống cụ thể, gắn gũi với đời sống của HS ở cả phần câu hỏi tự luận và câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

a) Phân loại tình huống : Có nhiều cách phân loại tình huống. Song ở tài liệu này, chúng tôi tập trung vào ba loại tình huống : Tình huống định hướng HS nhận xét, đánh giá, tình huống định hướng HS đề xuất cách ứng xử, tình huống cho trước cách ứng xử để HS lựa chọn cách ứng xử phù hợp .

*** Tình huống yêu cầu HS nhận xét, đánh giá:**

Ví dụ : Sau buổi học, để về nhà nhanh, Hoàng đã đi vào đường ngược chiều nên bị chú công an viết giấy xử phạt vi phạm hành chính.

Mẹ Hoàng cho rằng chú công an xử phạt như vậy là sai. Vì Hoàng mới 15 tuổi, chưa đến tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính.

Theo em, ý kiến của mẹ Hoàng là đúng hay sai ? Vì sao ?

(Bài tập tình huống dùng kiểm tra bài 15, lớp 9 : Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý của công dân)

*** Tình huống yêu cầu HS đề xuất cách ứng xử :**

Ví dụ 1 : Đã một tháng nay, nhà ông Ba có nhiều người lén lút ra vào. Bí mật theo dõi, Hưng biết ông Ba thường xuyên tổ chức đánh bạc và cá độ bóng đá.

Theo em, Hưng nên làm gì ?

(Bài tập tình huống dùng kiểm tra bài 13, lớp 8 : Phòng, chống tệ nạn xã hội)

Ví dụ 2 : Mấy hôm nay, Long đang buồn vì cha mẹ li hôn thì Dũng nói với về an ủi:

– Khổ thân mày quá ! Thôi tao có cái này giúp mày quên sầu, lại còn có cảm giác lên tiên nữa. Làm một điều đi !

Long từ chối :

– Thôi tao không dại, nghiện ma túy thì chết.

Dũng cười khẩy:

– Thật non gan, dùng một lần thì nghiện làm sao được.

Long đang lưỡng lự...

Hỏi :

1/ Theo em, Long có thể có những cách ứng xử như thế nào ?

2/ Hãy cho biết mặt lợi, mặt hại của từng cách ứng xử đó.

3/ Nếu là Long, em sẽ chọn cách ứng xử nào ? Vì sao ?

(Bài tập tình huống dùng kiểm tra bài 13, lớp 8 : Phòng, chống tệ nạn xã hội)

Về cấu trúc : Tình huống yêu cầu học sinh nhận xét, đánh giá, tình huống yêu cầu học sinh đề xuất cách ứng xử có cấu trúc gồm:

- + Nội dung của tình huống (sự kiện, vấn đề... cần giải quyết)
- + Câu hỏi nghiên cứu/câu hỏi định hướng giải quyết tình huống.

*** *Tình huống cho trước cách ứng xử để HS lựa chọn cách ứng xử phù hợp:***

- Cấu trúc loại tình huống này thường là :
- + Nội dung của tình huống (sự kiện, vấn đề... cần giải quyết)
- + Các phương án lựa chọn (yêu cầu HS chỉ chọn 1).

Ví dụ:

Nếu tình cờ phát hiện có kẻ buôn bán ma túy, em sẽ lựa chọn cách ứng xử nào sau đây mà em cho là phù hợp nhất ? (*hãy khoanh tròn chữ cái trước câu mà em chọn*)

- A. Lờ đi coi như không biết để tránh bị trả thù ;
- B. Không làm gì vì đây là việc làm quá sức với học sinh lớp 8 ;
- C. Báo ngay cho cha mẹ, hoặc thầy cô giáo hay người có trách nhiệm biết.
- D. Bí mật theo dõi kẻ đó, khi phát hiện ra chứng cứ sẽ báo công an để góp phần phòng, chống ma túy.

(*Bài tập tình huống dùng kiểm tra bài 13, lớp 8 : Phòng, chống tệ nạn xã hội*)

Lưu ý : tình huống cho trước cách ứng xử để HS lựa chọn cách ứng xử phù hợp là loại tình huống thuộc câu hỏi trắc nghiệm khách quan, còn 2 loại tình huống trên thuộc câu hỏi tự luận.

b) Các bước để xây dựng 1 tình huống

- Bước 1 : xác định nội dung kiểm tra cần bài tập tình huống
- Bước 2 : thu thập thông tin liên quan để viết tình huống
- Bước 3 : viết tình huống

1/ Phác thảo tình huống

2/ Sửa chữa tình huống

3/ Sử dụng thử, hoặc hỏi ý kiến đồng nghiệp

4/ Hoàn thiện tình huống

* Yêu cầu sư phạm

- + Tình huống phải sát hợp với nội dung bài học, mục đích kiểm tra đánh giá.
- + Tình huống phải hấp dẫn và phù hợp với trình độ nhận thức của HS.
- + Tình huống phải gần gũi với cuộc sống thực của HS.
- + Tình huống cần có độ dài vừa phải.
- + Tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết.

4.1.3. Tiêu chí để đánh giá chất lượng của câu hỏi

a) Các tiêu chí xem xét chất lượng của câu hỏi có nhiều lựa chọn

Hãy đặt ra các câu hỏi dưới đây với mỗi câu hỏi đã biên soạn. Nếu một hoặc một số câu hỏi có câu trả lời là “không”, hãy xem xét lại chất lượng của câu hỏi và sửa chữa lại cho đảm bảo yêu cầu :

– Câu hỏi có đánh giá những nội dung quan trọng của mục tiêu chương trình giảng dạy hay không ?

– Câu hỏi có phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày, trọng tâm cần nhấn mạnh và số điểm hay không ?

– Câu dẫn có đặt ra câu hỏi trực tiếp hay một số vấn đề cụ thể hay không?

– Người ra đề sử dụng ngôn ngữ và hình thức trình bày riêng để biên soạn câu hỏi hay chỉ đơn thuần trích dẫn những lời trong sách giáo khoa ?

– Từ ngữ và cấu trúc câu hỏi có rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh hay không ?

– Mỗi phương án nhiễu (nền) có hợp lý đối với những HS không có kiến thức hay không ?

– Nếu có thể, mỗi phương án sai có được xây dựng dựa trên các lỗi thông thường hay nhận thức sai lệch của học sinh hay không ?

– Đáp án đúng của câu hỏi này có độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra hay không ?

– Tất cả các phương án đưa ra có đồng nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn hay không ?

– Có hạn chế đưa ra phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “không có phương án nào đúng” hay không ?

– Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất hay không?

b) Các tiêu chí xem xét chất lượng của câu hỏi tự luận

Đặt ra các câu hỏi dưới đây đối với mỗi câu hỏi trong bài kiểm tra đã biên soạn. Nếu một hoặc một số câu hỏi có câu trả lời là “không”, hay xem xét lại chất lượng của câu hỏi đó và sửa chữa lại :

– Câu hỏi có đánh giá nội dung quan trọng của chuẩn chương trình hay không (kiến thức, kỹ năng) ?

– Câu hỏi có phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày, trọng tâm cần nhấn mạnh và số điểm hay không ?

– Câu hỏi có yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới hay không ?

– Xét trong mối quan hệ với các câu hỏi khác của bài kiểm tra, câu hỏi tự luận có thể hiện nội dung và cấp độ tư duy đã nêu trong tiêu chí kiểm tra hay không ?

– Nội dung câu hỏi có cụ thể hay không ? Nó có đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó hay chỉ đưa ra một yêu cầu chung chung mà bất cứ một câu trả lời nào cũng phù hợp ?

– Yêu cầu của câu hỏi có phù hợp với trình độ và nhận thức của HS hay không ?

– Để đạt được điểm cao, HS phải chứng minh quan điểm của mình hơn là nhận biết về thực tế, khái – niệm... ?

– Ngôn ngữ sử dụng trong câu hỏi có truyền tải được hết những yêu cầu của cán bộ ra đề đến HS hay không ?

– Câu hỏi có được diễn đạt theo cách giúp HS hiểu được :

+ Độ dài của câu trả lời

+ Mục đích của bài luận ?

+ Thời gian viết bài luận ?

+ Tiêu chí đánh giá/chấm điểm bài luận ?

– Nếu câu hỏi yêu cầu HS nêu quan điểm và chứng minh cho quan điểm của mình, câu hỏi có nêu rõ : Bài làm của HS sẽ được đánh giá dựa trên những lập luận logic mà HS đó ra để chứng minh và bảo vệ quan điểm của mình chứ không chỉ đơn thuần là quan điểm mà chúng đưa ra² ?

² Nguồn : Trích từ cuốn : *Hướng dẫn giáo viên để đạt được kết quả cao trong đánh giá học sinh trên lớp : Một cách thức tiếp cận đánh giá* (trang 35). Tác giả: Giáo sư A.J.Nitko và giáo sư T-C Hsu, 1987, Pittsburgh, PA: Viện thực hành và Nghiên cứu giáo dục, Đại học Pittsburgh.

c) Đối với những câu hỏi khác như câu hỏi đúng – sai, câu hỏi ghép đôi, câu hỏi điền khuyết người ra đề kiểm tra cần đối chiếu với ưu điểm và những điểm của những loại câu này nếu câu hỏi vi phạm nhược điểm thì phải sửa lại.

4.1.4. Quy trình biên soạn đề kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS

Đề các đề kiểm tra miệng, kiểm tra 45 phút, kiểm tra học kì đạt chất lượng tốt thì các đề kiểm tra cần được xây dựng đúng quy trình. Đây là một yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn GDCC ở THCS.

Các bài kiểm tra kết quả học tập của HS là công cụ được sử dụng rộng rãi nhất hiện nay nhằm cung cấp thông tin cho giai đoạn “thu thập thông tin” của quá trình đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông ở nước ta.

Khi xây dựng các đề kiểm tra cần bảo đảm tính chính xác, thống nhất các yêu cầu cần đạt đối với mọi cá nhân trong cùng một lớp đối tượng cần đánh giá ; đảm bảo độ giá trị, đánh giá đúng theo mục tiêu cần đánh giá; đảm bảo tính đầy đủ và toàn diện, các nội dung kiểm tra phải có độ phủ rộng để có thể kiểm tra các nội dung, các vấn đề mà mục tiêu dạy học đã đặt ra; đảm bảo yêu cầu khách quan, kết hợp sử dụng các dạng câu hỏi khác nhau nhằm vào những tiêu chí cụ thể cần đánh giá.

Nhìn chung, quá trình ra đề kiểm tra cần tuân theo quy trình 4 bước sau: Các bài kiểm tra kết quả học tập của HS là công cụ được sử dụng rộng rãi nhất hiện nay nhằm cung cấp thông tin cho giai đoạn “thu thập thông tin” của quá trình đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông ở nước ta.

Khi xây dựng các đề kiểm tra cần bảo đảm tính chính xác, thống nhất các yêu cầu cần đạt đối với mọi cá nhân trong cùng một lớp đối tượng cần đánh giá ; đảm bảo độ giá trị, đánh giá đúng theo mục tiêu cần đánh giá; đảm bảo tính đầy đủ và toàn diện, các nội dung kiểm tra phải có độ phủ rộng để có thể kiểm tra các nội dung, các vấn đề mà mục tiêu dạy học đã đặt ra; đảm bảo yêu cầu khách quan, kết hợp sử dụng các dạng câu hỏi khác nhau nhằm vào những tiêu chí cụ thể cần đánh giá.

Nhìn chung, quá trình ra đề kiểm tra cần tuân theo quy trình sau :

Bước 1 : Xác định mục đích yêu cầu kiểm tra đánh giá

Cần xác định rõ đây là bài kiểm tra nhằm thu thập thông tin cho loại hình đánh giá nào. Ví dụ : Đánh giá theo tiêu chí : bài kiểm tra nhằm thu thập thông tin về kết quả học tập của HS sau khi học xong một bài, một phần/một chương, một học kì hay toàn bộ môn học.

Bước 2 : Xác định mục tiêu dạy học

– Cần liệt kê chi tiết các mục tiêu giảng dạy như là kết quả của việc dạy học (về kiến thức, kĩ năng, thái độ) và cụ thể hoá chi tiết, tỉ mỉ đối với bài kiểm tra.

– Mỗi đề kiểm tra cần xác định mục đích yêu cầu cụ thể của đề xem có đạt được yêu cầu dạy học của môn học, của những bài mà đề kiểm tra nhằm tới hay không.

Bước 3 : Thiết lập ma trận 2 chiều hoặc tiêu chí kĩ thuật cho đề kiểm tra (45 phút)

Lập một bảng hai chiều; một chiều thường là nội dung hoặc mạch kiến thức cần đánh giá, một chiều là mức độ nhận thức của HS.

Về nhận thức của HS cấp THCS thường được đánh giá ở 3 mức độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng. Trong mỗi ô là số lượng câu hỏi và trọng số điểm cho các câu hỏi đó. Quyết định số lượng câu hỏi và trọng số điểm cho từng mục tiêu tùy thuộc vào mức độ quan trọng của mục tiêu đó, thời gian làm bài kiểm tra và trọng số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng mức độ nhận thức.

Ví dụ : Ma trận đề kiểm tra 45 phút lớp 8

MA TRẬN ĐỀ

Nội dung chủ đề (mục tiêu)	Các cấp độ của tư duy		
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
A. Hiểu các phẩm chất : lao động tự giác, lao động sáng tạo, giữ chữ tín và tự lập để xác định biểu hiện của các phẩm chất đó		Câu 1 TN (1 điểm)	
B. Dựa vào kiến thức đã học để xác định đúng thể nào là học hỏi văn hoá của dân tộc khác		Câu 2 TN (0,5 điểm)	
C. Hiểu thế nào là góp phần xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư		Câu 3 TN (0,5 điểm)	
D. Hiểu thế nào là tình bạn trong sáng, lành mạnh để xác định được biểu hiện trái với tình bạn trong sáng, lành mạnh		Câu 4 TN (0,5 điểm)	
Đ. Hiểu thế nào là không tôn trọng người khác		Câu 5 TN (0,5 điểm)	

E. Nhận biết thể nào là tôn trọng người khác; nhận xét sự tôn trọng người khác của bản thân hoặc bạn bè trong lớp	Câu 1 TL (1 điểm)		Câu 1 TN (1 điểm)
G. Biết thể nào là xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư, nêu những việc bản thân có thể làm để góp phần xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư	Câu 2 TL (1 điểm)	Câu 2 TL (1 điểm)	
H. Vận dụng kiến thức để giải quyết 1 tình huống về tự lập trong cuộc sống.			Câu 3 TL (3 điểm)
Tổng số câu	2	6	2
Tổng số điểm	2	4	4
Tỉ lệ %	20%	40%	40%

Bước 4 : Thiết kế câu hỏi theo ma trận

Căn cứ vào mục tiêu và ma trận để thiết kế các loại câu hỏi (tự luận, trắc nghiệm khách quan) bao hàm đầy đủ nội dung kiến thức và mức độ nhận thức cần đánh giá cho toàn bộ đề kiểm tra đã xác định.

Bước 5 : Xây dựng đáp án và biểu điểm

Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thang cho điểm đánh giá ở cấp, bậc học giáo dục phổ thông gồm 11 bậc: 0, 1, 2... → 10 điểm, có thể có điểm lẻ 0,5 ở bài kiểm tra học kì và kiểm tra cuối năm.

– *Biểu điểm với hình thức tự luận*: gồm các nội dung cần trả lời và số điểm cho từng nội dung đó.

– *Biểu điểm với hình thức trắc nghiệm khách quan*:

Điểm tối đa toàn bài là 10 được chia cho các dạng câu hỏi với mức độ khó, dễ khác nhau.

– *Biểu điểm với hình thức kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận*: Điểm tối đa toàn bài là 10, phân phối cho từng phần tự luận và trắc nghiệm khách quan tùy thời gian làm bài và mức độ khó của các câu hỏi.

– *Phần cuối đáp án và biểu điểm:*

+ Có thể ghi rõ : Ở câu... có thể có cách diễn đạt khác nhau, nhưng nội dung cơ bản phải như đáp án. Vì khi xây dựng đáp án và biểu điểm cho đề kiểm tra chúng ta cần phải chú ý có thể có nhiều phương án trả lời khác nhau cho một câu hỏi. Do đó, để phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS, GV cần tôn trọng các cách diễn đạt khác nhau, không bắt buộc HS phải trả lời đúng hoàn toàn như trong đáp án mà chỉ cần đảm bảo đầy đủ ý.

+ Hướng dẫn cách làm tròn điểm (nếu cần thiết).

Lưu ý :

– Có thể phân phối số điểm cho các đề kiểm tra 45 phút của môn GDCD như sau : phần trắc nghiệm khách quan khoảng 2,5 đến 3 điểm và tự luận 7 đến 7,5 điểm. Tỷ lệ giữa các mức độ của tư duy là : phần nhận biết khoảng 15–20%, hiểu khoảng trên 30–40%, vận dụng khoảng 40–50%. Để tăng tính thực hành, vận dụng trong phần tự luận, ngoài những câu hỏi tự luận thông thường giáo viên cần thiết kế loại bài tập tình huống, lập kế hoạch, viết báo cáo,... cho phù hợp với đặc thù môn học.

Bước 6 : Xem xét lại chất lượng câu hỏi và điều chỉnh những câu chưa đạt yêu cầu

4.2. *Gợi ý đánh giá kết quả thực hành của HS*

– Để đánh giá được kết quả học tập của HS về các mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ, GV cần sử dụng đa dạng kết quả học tập của HS. Có nghĩa là : Ngoài kết quả của bài kiểm tra, GV cần chấm điểm cả các sản phẩm hoạt động của HS như : sản phẩm sưu tầm tư liệu, bài thu hoạch cá nhân, sản phẩm lập kế hoạch và cho điểm cả hoạt động nhóm, đóng vai,... có kết quả tốt. Ở THCS có các dạng thực hành như : điều tra thực trạng, sưu tầm tư liệu, bài thu hoạch cá nhân, lập kế hoạch, thực hiện dự án, sáng tác (thơ, truyện ngắn, vẽ tranh, sáng tác tiểu phẩm)...

– Để có thể đánh giá được kết quả thực hành của HS, GV có thể tiến hành như sau :

+ Tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm tại lớp, hoặc báo cáo trước lớp.

+ Tạo điều kiện cho các em khác trong lớp được phản hồi ý kiến, nhận xét, đánh giá kết quả thực hành của bạn.

+ Giáo viên đánh giá kết quả thực hành của HS bằng nhận xét, hoặc cho điểm và công khai kết quả.

– Điểm thực hành có thể đưa vào điểm hệ số 1 (điểm kiểm tra miệng hoặc điểm kiểm tra 15 phút).